

Số: 28/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các
cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của
Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 335/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đánh
giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định tổ chức
các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 370/2025/NĐ-CP;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ;

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành tiêu chí đánh giá,
xếp loại chất lượng đối với các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi
quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các
cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh
Sơn La theo quy định tại khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số
335/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với
cơ quan hành chính nhà nước và công chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân
dân tỉnh;

2. Phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

3. Ủy ban nhân dân cấp xã;

4. Cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 3. Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng

Tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La được thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quyết định này.

b) Theo dõi, rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại chất lượng của tổ chức mình, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả đánh giá, xếp loại (qua Sở Nội vụ). Chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ đánh giá và tính chính xác của số liệu báo cáo liên quan theo quy định.

3. Trưởng các phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại chất lượng của tổ chức mình, trình người đứng đầu cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng thuộc phạm vi quản lý.

4. Trưởng các cơ quan chuyên môn và tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc tự đánh giá và đề xuất mức xếp loại chất lượng của tổ chức mình, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng thuộc phạm vi quản lý.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La;
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh: LĐ, TTTT, TTPVHCC;
- Lưu: VT, NC, Tùng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

Phụ lục
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ
QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Quyết định số 28/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Tiêu chí	Điểm chuẩn
I	CÁC TIÊU CHÍ CHUNG	30
1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường.	5
2	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức.	12
3	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).	13
II	CÁC TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	70
1	Kết quả thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, Đề án, văn bản quy phạm pháp luật	9
1.1	Việc thể chế hóa các Nghị quyết, Quyết định về phát triển kinh tế - xã hội hằng năm bảo đảm theo đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.	3
1.2	Hoàn thành tham mưu ban hành các quy hoạch, kế hoạch, đề án thuộc lĩnh vực quản lý ngành theo chương trình, kế hoạch được	3

	giao, bảo đảm chất lượng và tiến độ; tỷ lệ hồ sơ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng thời hạn đạt 100%.	
1.3	Tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật khi được cấp có thẩm quyền giao thuộc lĩnh vực tham mưu, phụ trách đảm bảo chất lượng, tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	3
2	Tỷ lệ hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác của năm và các nhiệm vụ phát sinh	5
2.1	Hoàn thành các nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác năm tại cơ quan, tổ chức theo thẩm quyền được giao.	3
2.2	Hoàn thành các nhiệm vụ phát sinh, đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.	2
3	Kết quả hoạt động quản lý, điều hành của tổ chức; tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (nếu có); không để xảy ra sai phạm trong ban hành chính sách, văn bản	24
3.1	Ban hành kịp thời các văn bản để chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.	8
3.2	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp (qua kết quả Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS)). Điểm đánh giá được tính theo công thức (số điểm đạt được x 5):100.	5
3.3	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công hiệu quả, đúng mục đích, đúng quy định.	3
3.4	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN) tại cơ quan, tổ chức đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch đề ra.	4
3.5	Tham mưu các văn bản nhằm tháo gỡ điểm nghẽn thể chế (như: ban hành Công văn, hướng dẫn hoặc văn bản quy phạm pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung, nếu có).	2
3.6	Kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời gian theo quy định.	2
4	Kết quả phối hợp với các cơ quan liên quan, điều phối chính sách liên ngành, liên vùng; có sáng kiến, mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có)	5
4.1	Công tác phối hợp thực hiện nhiệm vụ điều phối chính sách liên ngành, liên vùng với các cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả, không để xảy ra chồng chéo, ách tắc công việc.	2
4.2	Sáng kiến, giải pháp mới trong phối hợp với các cơ quan liên	3

	quan về mô hình điều phối được ghi nhận (nếu có).	
5	Kết quả thực hiện chuyển đổi số, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; có sáng kiến cụ thể áp dụng hiệu quả (nếu có)	12
5.1	Kết quả đánh giá xếp hạng mức độ chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức (qua kết quả của Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước). Điểm đánh giá được tính theo công thức (số điểm đạt được x 6):100.	6
5.2	Triển khai thực hiện hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh	3
5.3	Sáng kiến, giải pháp mới về cắt giảm thủ tục hành chính, thời gian, chi phí được áp dụng nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính (nếu có).	3
6	Kết quả thực hiện chính sách, chương trình khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo tác động rõ rệt đến hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	5
6.1	Phổ biến, quán triệt chính sách và ban hành kế hoạch thực hiện hoạt động khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo hàng năm.	2
6.2	Kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo hàng năm.	2
6.3	Có đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học - công nghệ phù hợp với ngành, địa phương và được phê duyệt.	1
7	Kết quả giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính; tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (nếu có)	4
-	Qua kết quả đánh giá của Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp. Điểm đánh giá được tính theo công thức (số điểm đạt được x 4):100.	4
8	Kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp (nếu có)	6
8.1	Thực hiện đúng quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định.	2
8.2	Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền hoặc được cấp có thẩm quyền giao.	4